

TIÊU CHÍ ĐO LƯỜNG KHẢ NĂNG QUẢN LÝ NỢ XẤU CỦA CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

Ths. Nguyễn Quốc Tùng* - Ths. Mai Thị Trang* - Hồ Hồng Phúc* - Nguyễn Phương Thảo*

Ngân hàng thương mại (NHTM) là một chủ thể trong nền kinh tế, một dạng doanh nghiệp đặc biệt, vì vậy mọi yếu tố tác động đến hoạt động kinh doanh của NHTM cũng sẽ ảnh hưởng lớn tới nền kinh tế. Nợ xấu phát sinh khiến năng lực tài chính của NHTM suy giảm, từ đó các chức năng của NHTM như trung gian tín dụng, trung gian thanh toán, chức năng tạo tiền của NHTM sẽ không được phát huy hiệu quả. Không chỉ tác động đến riêng NHTM, nợ xấu NHTM còn tác động gián tiếp tới mọi chủ thể khác của nền kinh tế từ cá nhân, doanh nghiệp, tổ chức... những đối tượng có quan hệ tài chính với NHTM. Tỷ lệ nợ xấu của các NHTM cao sẽ khiến lưu thông vốn trong nền kinh tế gặp khó khăn, hoạt động SXKD bị đình trệ và kéo lùi tốc độ tăng trưởng cũng như ảnh hưởng tới sự an toàn trong phát triển bền vững mà nền kinh tế hướng đến. Nghiên cứu về quản lý nợ xấu, các tiêu chí đánh giá khả năng quản lý nợ xấu là rất quan trọng, vận dụng để đo lường, đánh giá đúng mức độ quản lý nợ xấu tại các NHTM Việt Nam hiện nay.

• Từ khóa: nợ xấu, quản lý nợ xấu, tiêu chí đánh giá khả năng quản lý nợ xấu.

Commercial banks are an entity in the economy, a special type of business, so all factors affecting commercial banks' business activities will also affect the economy. The arising of bad debt causes the financial capacity of commercial banks to decline, from which the functions of commercial banks such as credit intermediation, payment intermediation, and money creation functions of commercial banks will not be effectively promoted. Not only does it affect commercial banks, bad debt from commercial banks also indirectly affects all other subjects of the economy from individuals, businesses, organizations... those who have financial relationships with commercial banks. A high bad debt ratio of commercial banks will make capital circulation in the economy difficult, production and business activities will stagnate and slow down the growth rate as well as affect the safety in sustainable development of the economy. economic direction. Research on bad debt management and criteria for assessing the ability to manage bad debt is very important and apply to measure and evaluate the correct level of bad debt management at Vietnamese commercial banks today.

• Key words: bad debt, bad debt management, criteria for evaluating bad debt management ability.

JEL codes: G21, E51

Ngày gửi bài: 10/11/2024

Ngày gửi phản biện: 30/11/2024

Ngày nhận và sửa sau phản biện: 10/12/2024

Ngày chấp nhận đăng: 02/01/2025

Nợ xấu là các khoản nợ dưới chuẩn, có thể quá hạn và bị nghi ngờ về khả năng thanh toán của người vay cũng như khả năng thu hồi vốn của người cho vay. Đây là khoản nợ mà người đi vay không thể trả cho người cho vay khi đến hạn thanh toán đã cam kết trong hợp

đồng tín dụng. Nợ xấu gây ra những tác động tiêu cực không hề nhỏ cho sự tồn tại và phát triển bền vững của NHTM, thậm chí trong nhiều trường hợp, nợ xấu chính là nguyên nhân trực tiếp và chủ yếu dẫn đến phá sản cho NHTM. Những tác động tiêu cực của nợ xấu đối với NHTM gồm: (i) nợ xấu làm giảm lợi nhuận của NHTM; (ii) nợ xấu ảnh hưởng đến khả năng thanh toán của NHTM; (iii) nợ xấu làm giảm uy tín của NHTM.

Quản lý nợ xấu là quá trình xây dựng, thực thi chiến lược và hệ thống các giải pháp phòng ngừa, hạn chế nợ xấu mới phát sinh, cùng với việc xử lý nợ xấu đã phát sinh nhằm tối đa hóa lợi nhuận, phù hợp với khẩu vị rủi ro của NHTM. Quản lý nợ xấu NHTM hướng đến 3 mục tiêu cụ thể như sau: (i) Kiểm soát nợ xấu: Đây là mục tiêu cơ bản đầu tiên của QLNX. Nợ xấu cũng như mức độ rủi ro phải được kiểm soát trong giới hạn cho phép, theo quy định của cơ quan quản lý và thông lệ quốc tế. Mục tiêu này được cụ thể hóa bằng các chỉ tiêu định lượng như tỷ lệ nợ xấu mục tiêu, tốc độ gia tăng nợ xấu với tốc độ tăng trưởng tín dụng, mức giảm tỷ lệ nợ xấu... (ii) Đảm bảo an toàn: An toàn trong hoạt động NHTM nói chung và trong hoạt động tín dụng nói riêng là tiêu chí quan trọng hàng đầu trong việc xác định mục tiêu của quản lý nợ xấu. Quản lý nợ xấu phải đảm bảo thực hiện đúng các quy định về giới hạn rủi ro, tỷ lệ an toàn về vốn, an toàn hoạt động như tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu; hạn chế, giới hạn cấp tín dụng, tỷ lệ tối đa của nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng để cho vay trung và dài hạn... theo quy định của pháp luật hiện hành cũng như quy định nội bộ của riêng NHTM. (iii) Đảm bảo khả năng sinh lời: Song song với mục tiêu kiểm soát nợ xấu và đảm bảo an toàn, hoạt động QLNX phải quan tâm đến khả năng sinh lời từ hoạt động tín dụng. Điều này không chỉ bao gồm vấn đề về thu nhập và lợi nhuận đem lại từ hoạt động tín dụng mà còn hàm ý cả việc hạn chế chi phí phát sinh từ công tác quản lý nợ xấu.

* Học viện Tài chính; email: tungnguyenq06@gmail.com

Để đánh giá khả năng quản lý nợ xấu của các NHTM, có hai nhóm tiêu chí:

Thứ nhất: Nhóm tiêu chí định lượng

Tiêu chí 1: Tỷ lệ nợ xấu

$$\text{Tỷ lệ nợ xấu} = \frac{\text{Số dư nợ xấu}}{\text{Tổng dư nợ cho vay}} \times 100\%$$

Tiêu chí tỷ lệ nợ xấu phản ánh trực tiếp mức độ kiểm soát nợ xấu của NHTM. Khi tỷ lệ này nằm trong giới hạn quy định của cơ quan quản lý và đảm bảo nhỏ hơn hoặc bằng tỷ lệ nợ xấu mục tiêu của NHTM thì tình hình kiểm soát nợ xấu của NHTM được đánh giá là tốt và ngược lại.

Tiêu chí 2: Mức giảm tỷ lệ nợ xấu

Mức giảm tỷ lệ nợ xấu = Tỷ lệ nợ xấu kỳ so sánh - Tỷ lệ nợ xấu kỳ báo cáo

Công tác ngăn ngừa nợ xấu của NHTM được xem là càng tốt nếu mức giảm tỷ lệ nợ xấu càng lớn và ngược lại.

Tiêu chí 3: Tốc độ gia tăng nợ xấu/Tốc độ tăng trưởng cho vay

$$\frac{\text{Tốc độ gia tăng nợ xấu trên tốc độ tăng trưởng cho vay}}{\text{Tốc độ gia tăng nợ xấu}} = \frac{\text{Tốc độ gia tăng nợ xấu}}{\text{Tốc độ tăng trưởng cho vay}}$$

Tiêu chí này phản ánh chất lượng công tác quản lý, nếu tốc độ tăng nợ xấu lớn hơn tốc độ tăng trưởng cho vay thì không tốt và ngược lại. Tiêu chí này cũng phản ánh mức độ lành mạnh của quá trình mở rộng quy mô tín dụng. Nếu tỷ lệ này giảm qua các năm thì chứng tỏ quá trình mở rộng tín dụng mới có chất lượng tốt, lành mạnh hoặc là NHTM đã xử lý được phần nào nợ xấu tồn đọng kỳ trước. Ngược lại, quá trình mở rộng tín dụng của NHTM đó còn bất chấp những vấn đề rủi ro tín dụng, quá trình cấp tín dụng, phê duyệt, kiểm tra kiểm soát đang còn có vấn đề nên tín dụng mới còn hàm chứa rủi ro. Chỉ tiêu này phần nào cũng đánh giá chất lượng của chiến lược phát triển về quy mô tín dụng.

Tiêu chí 4: Mức độ bù đắp tổn thất nợ xấu

$$\text{Hệ số bù đắp tổn thất nợ xấu} = \frac{\text{Dự phòng RRTD được trích lập}}{\text{Nợ xấu}} \times 100\%$$

Đây là tiêu chí phản ánh mức độ tổn thất nợ xấu có thể được bù đắp bởi dự phòng rủi ro tín dụng do NHTM trích lập. Hệ số bù đắp tổn thất nợ xấu cho biết trong 100 đồng nợ xấu nội bảng, NHTM đã thực hiện trích lập bao nhiêu đồng dự phòng RRTD. Hệ số này càng lớn chứng tỏ mức độ sẵn sàng khắc phục và xử lý những tổn thất do nợ xấu NHTM gây ra càng cao. Tuy vậy khi dự phòng RRTD tăng cao sẽ làm tăng chi phí, ảnh hưởng đến lợi nhuận ròng của NHTM.

Tiêu chí 5: Tỷ lệ an toàn vốn (CAR)

$$\text{CAR} = \frac{\text{Vốn tự có}}{\text{Tổng tài sản Có rủi ro}} \times 100\%$$

Đây là một tiêu chí quan trọng phản ánh mối quan hệ giữa vốn tự có với tài sản có điều chỉnh rủi ro của NHTM. Tỷ lệ an toàn vốn được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa tổng vốn cấp I và vốn cấp II so với tổng tài sản đã điều chỉnh rủi ro của NHTM. Tỷ lệ này càng cao chứng tỏ NHTM đã tự tạo ra một tấm đệm càng vững chắc chống lại những cú sốc về tài chính, bảo vệ an toàn hoạt động. Các nhà quản lý ngành NHTM các nước luôn xác định rõ và giám sát các NHTM phải duy trì một tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu, ở Việt Nam tỷ lệ này hiện đang là 9%.

Tiêu chí 6: Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng để cho vay trung hạn và dài hạn

$$\frac{\text{Tỷ lệ của nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng để cho vay trung hạn và dài hạn}}{\text{Tổng dư nợ cho vay trung hạn, dài hạn}} = \frac{\text{Tổng dư nợ cho vay trung hạn, dài hạn}}{\text{Nguồn vốn ngắn hạn}} \times 100\%$$

Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng cho vay trung và dài hạn là một trong những tiêu chí phản ánh an toàn vốn của NHTM. Tỷ lệ này góp phần giúp NHTM thận trọng, kiểm soát chặt chẽ hơn đối với cơ cấu tín dụng, giảm thiểu rủi ro thanh khoản. Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng cho vay trung và dài hạn được xem xét trên cơ sở chấp hành quy định của cơ quan quản lý và khuyến cáo theo thông lệ quốc tế cũng như mục tiêu của NHTM. Ở Việt Nam, tiêu chí này đang được quy định tối đa là 40%.

Tiêu chí 7: Tỷ lệ Dự nợ tín dụng/Vốn huy động (LDR)

$$\text{LDR} = \frac{\text{Dự nợ tín dụng}}{\text{Vốn huy động}} \times 100\%$$

Đây là một trong những tiêu chí quan trọng dùng để đánh giá an toàn hoạt động của NHTM. Thông thường, LDR càng cao thì khả năng sinh lời của NHTM càng lớn, nhưng đánh đổi là rủi ro thanh khoản cũng cao hơn, bởi tín dụng được coi là tài sản kém linh hoạt nhất trong số các tài sản sinh lời của NHTM nhưng lại là tài sản sinh lời chính. Tỷ lệ LDR dao động từ 80-85% là mức tốt nhất để NHTM tạo ra lợi nhuận. Ở Việt Nam, tỷ lệ này đang được khống chế ở mức tối đa 85%.

Tiêu chí 8: Tỷ lệ thu nhập lãi thuần (NIM)

$$\text{Tỷ lệ thu nhập lãi thuần (NIM)} = \frac{\text{Thu nhập lãi thuần}}{\text{Tổng tài sản có sinh lời}} \times 100\%$$

Trong đó:

Thu nhập lãi thuần = Thu nhập lãi - Chi phí lãi

Thu nhập lãi gồm: thu nhập từ tiền lãi và các khoản thu nhập tương tự

Chi phí về tiền lãi bao gồm: chi phí tiền lãi và các khoản chi phí tương tự

Tài sản có sinh lời bao gồm các khoản tiền gửi của NHTM tại NHNN, tiền gửi tại các TCTD khác, chứng khoán đầu tư và cho vay khách hàng.

Thu nhập lãi thuần và tỷ lệ thu nhập lãi thuần NIM là các tiêu chí quan trọng, phản ánh tổng quát quy mô, trình

độ quản lý trong hoạt động kinh doanh của NHTM. Vì vậy, tăng thu nhập và giảm chi phí về tiền lãi luôn là mục tiêu để các NHTM có thể tối đa hóa lợi nhuận.

Tuy vậy, NIM có quan hệ cùng chiều với rủi ro tín dụng. Các NHTM thường phản ứng với các biến cố bất lợi khi xuất hiện RRTD bằng cách giảm lãi suất huy động mà không giảm lãi suất cho vay tương xứng nhằm gia tăng NIM. Lãi suất cho vay cao trong nền kinh tế suy thoái hay khủng hoảng là yếu tố dẫn tới RRTD cho NHTM. Thông thường, tỷ lệ NIM dao động trong khoảng 2,7% - 4,2% là mức sinh lời khá tốt, thể hiện sự cân bằng giữa lãi suất huy động và lãi suất cho vay của NHTM.

Tiêu chí 9: Tỷ lệ thu nhập lãi thuần/Tổng thu nhập hoạt động

Tiêu chí này cho biết mức độ đóng góp của thu nhập từ hoạt động tín dụng sau khi trừ đi các khoản chi phí lãi trong quá trình huy động so với tổng thu nhập hoạt động của NHTM. Tỷ lệ này càng lớn cho thấy mức độ đóng góp của hoạt động tín dụng trong tổng thu nhập của NHTM càng cao và ngược lại. Tuy nhiên, tỷ lệ này quá cao cũng làm gia tăng rủi ro cho NHTM vì trong danh mục tài sản Có, khoản mục cho vay được đánh giá là tài sản có tính rủi ro cao.

Tiêu chí 10: Tỷ suất lợi nhuận trên tài sản (ROA) và Tỷ suất lợi nhuận trên vốn (ROE)

$$ROA = \frac{\text{Lợi nhuận ròng sau thuế}}{\text{Tổng tài sản có}} \times 100\%$$

$$ROE = \frac{\text{Lợi nhuận ròng sau thuế}}{\text{Vốn chủ sở hữu}} \times 100\%$$

Đây là hai tiêu chí quan trọng phản ánh mức độ sinh lời của NHTM. Để tính toán chính xác hai tiêu chí này, thông thường các NHTM căn cứ vào lợi nhuận sau khi trích lập dự phòng rủi ro.

Thứ hai: Nhóm tiêu chí định tính

Ngoài nhóm các tiêu chí định lượng phản ánh mức độ thực hiện mục tiêu QLNX nói trên, người ta còn xem xét nhóm các tiêu chí định tính đánh giá khả năng thực hiện nội dung QLNX như: Việc phân tích đánh giá mô hình quản lý nợ xấu; đánh giá về bộ máy tổ chức cũng như quy định, quy trình quản lý rủi ro tín dụng của NHTM; phân tích tính phù hợp và hiệu lực của các biện pháp sử dụng trong các bước của quá trình quản lý nợ xấu...

Xây dựng, ban hành chiến lược, chính sách quản lý nợ xấu: Chiến lược, chính sách quản lý nợ xấu là tiền đề quan trọng, là “kim chỉ nam” cho hoạt động quản lý nợ xấu của NHTM. Quy trình ban hành và hệ thống văn bản, quy định nội bộ là căn cứ để xác lập những tiêu chí chuẩn mực hành động trong hoạt động của tổ chức. Hệ thống này càng đầy đủ, khoa học, chi tiết và cập nhật kịp thời, đồng thời dễ theo dõi và vận dụng thì càng thể hiện tính hiệu quả trong các hoạt động mà nó chi phối. Bên cạnh đó chiến lược, chính sách về quản lý nợ xấu phải được văn bản hóa bằng các văn bản nội bộ đảm bảo

tính thống nhất, chặt chẽ, không chồng chéo, bao quát và toàn diện.

Mô hình, cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý nợ xấu: Cơ cấu tổ chức là hệ thống các nhiệm vụ, mối quan hệ báo cáo và quyền lực nhằm duy trì sự hoạt động của tổ chức. Cơ cấu tổ chức xác định cách thức phân chia, tập hợp và phối hợp các nhiệm vụ công việc trong tổ chức nhằm đạt được mục tiêu của tổ chức.

Mô hình, cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý nợ xấu phù hợp, khoa học với sự phân quyền hợp lý cho nhân viên sẽ tạo điều kiện để từng bộ phận, cá nhân thực hiện tốt nhất chức năng, nhiệm vụ của mình trong quản lý rủi ro tín dụng nói chung và rủi ro do nợ xấu gây ra nói riêng. Bên cạnh đó mô hình quản lý nợ xấu còn là yếu tố hàng đầu để tiết kiệm thời gian, chi phí và nâng cao hiệu quả công tác quản lý nợ xấu.

Công tác thực hiện tổ chức quản lý nợ xấu: Để đánh giá chỉ tiêu này, người ta dựa vào rất nhiều yếu tố như: (1) Các công cụ nhận biết, đo lường và ngăn ngừa nợ xấu: thể hiện qua hệ thống các dấu hiệu cảnh báo, nhận biết sớm; hệ thống xếp hạng tín nhiệm nội bộ. Các hệ thống này càng chi tiết, khoa học và toàn diện thì công tác nhận diện, đo lường rủi ro tín dụng và nợ xấu càng chính xác, tránh tình trạng bỏ sót nợ xấu cho NHTM; (2) Các biện pháp xử lý nợ xấu: Việc sử dụng linh hoạt, phù hợp, đa dạng các biện pháp xử lý nợ xấu áp dụng đối với từng khoản vay cụ thể nhằm tối đa hóa mục tiêu của NHTM là cơ sở để nâng cao hiệu quả công tác quản lý nợ xấu.

Công tác báo cáo quản lý nợ xấu: đánh giá công tác này qua các mặt như báo cáo có toàn diện không, có phản ánh đầy đủ, kịp thời và chính xác tình hình quản lý nợ xấu của NHTM không, có giúp nhà quản lý có cái nhìn tổng thể nhưng chi tiết cho công tác quản lý nợ xấu hay không...

Các nhân tố nội tại của NHTM trong quản lý nợ xấu: nhân tố về con người, về văn hóa quản lý rủi ro của tổ chức, về công nghệ thông tin... là những nhân tố quan trọng phản ánh khả năng thành công trong công tác quản lý nói chung và quản lý nợ xấu nói riêng. Chính vì vậy khi đánh giá công tác quản lý nợ xấu của NHTM không thể bỏ qua những nhân tố này.

Bài báo đã khái quát về nợ xấu, quản lý nợ xấu của các NHTM, đặc biệt đi sâu phân tích các tiêu chí đánh giá khả năng quản lý nợ xấu của NHTM được xây dựng theo hai nhóm: (1) Tiêu chí định lượng và (2) Tiêu chí định tính. Đây là các tiêu chí hàm chứa những nội dung khoa học kinh tế sát thực, có thể sử dụng để đo lường, đánh giá đúng mức độ quản lý nợ xấu tại các NHTM Việt Nam hiện nay.

Tài liệu tham khảo:

Định Xuân Hạng, Nguyễn Văn Lộc (2012), Giáo trình quản trị tín dụng ngân hàng thương mại, Nhà xuất bản Tài chính, Hà Nội.
Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (2019) Thông tư số 22/2019/TT-NHNN ngày 15 tháng 11 năm 2019 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.
Quốc hội 15 (2024) luật các Tổ chức tín dụng số 32 năm 2024.